

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 152/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09 – 5 – 2025

“Về tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Công Trọn

2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết Ngh, sinh năm: 2000 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn S.Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Kiều Văn Th, sinh năm: 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn S.Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 24/02/2025 và biên bản đề nghị vắng mặt ngày 26/3/2025, chị Lê Thị Tuyết Ngh trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Kiều Văn Th xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S.Đ, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị Ngh cho rằng tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thường xuyên gây rỗ, cãi vã, cuộc sống không còn hạnh phúc, từ đó mâu thuẫn kéo dài mà không có cách khắc phục nên chị và anh Th mỗi người sống một nơi từ

tháng 10 năm 2024 đến nay. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kiều Văn Th.

- Về con chung: Chị Ngh xác định giữa chị và anh Th có 02 người con chung là Kiều Đăng Kh, sinh ngày 10/11/2017 và Kiều Minh Tr, sinh ngày 01/01/2021. Hiện 02 con đang sống chung với chị ở tỉnh Bình Dương và đi học nên không về ghi ý kiến được. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con để ổn định tâm lý và cuộc sống, chị không yêu cầu anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Ngh xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Ngh khai rằng giữa chị và anh Th không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

* Đối với anh Kiều Văn Th vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị Lê Thị Tuyết Ngh và anh Kiều Văn Th là tranh chấp về ly hôn, nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh Kiều Văn Th: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia xét xử vụ án, thông qua việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng nhưng anh Th vẫn không có ý kiến phản hồi đồng thời cũng không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của chị Lê Thị Tuyết Ngh, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngh theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết Ngh và anh Kiều Văn Th xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, gây rối, dẫn đến tình cảm sứt mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của anh, chị, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị Ngh và anh Th tự tách ra sống riêng để anh, chị tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của

mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, chị Ngh cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì chị cũng không thể quay lại chung sống với anh Th, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ngh được ly hôn anh Th là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Kiều Đăng Kh, tuy đã trên 07 tuổi, nhưng Tòa án không ghi ý kiến được do điều kiện học tập và ở quá xa; các cháu Kh, Tr hiện sống cùng với chị Ngh ở Bình Dương nên tình cảm, tâm lý, sự gắn bó, yêu Th, môi trường sống, sinh hoạt, học tập của các cháu đã ổn định. Vì vậy, tiếp tục giao cháu Kh và cháu Tr cho chị Ngh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, chị Ngh không đặt ra yêu cầu anh Th cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Ngh xác định không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Ngh khai rằng giữa chị và anh Th không có nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Tuyết Ngh về việc ly hôn anh Kiều Văn Th.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Kiều Đăng Kh, sinh ngày 10/11/2017 và Kiều Minh Tr, sinh ngày 01/01/2021 cho chị Lê Thị Tuyết Ngh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Kiều Văn Th không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngh không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Lê Thị Tuyết Ngh phải chịu 300.000đ. Ngày 25 tháng 02 năm 2025, chị Ngh đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 5257 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Tuyết Ngh và anh Kiều Văn Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn S.Đ, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải